

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2025
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Xuân Dự

2. Ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực
4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia
phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh
Bình sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5
năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết
định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh ngày 10/3/1993; Căn cước công
dân số 0371930059xx, ngày cấp 28/4/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành
chính về trật tự xã hội Bộ C; Nơi ĐKKHKT: xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình
(trước đây xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình); địa chỉ: xóm A T, xã Đ, tỉnh
Ninh Bình (trước đây xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/3/1992; Căn cước công dân
số 0370920069xx, ngày cấp 28/4/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành
chính về trật tự xã hội Bộ C; địa chỉ: xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình (trước đây
xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

Chị N có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình anh T tại xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, hòa giải nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Từ khoảng tháng 11/2020 đến nay chị N đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm T, xã Đ, tỉnh Ninh Bình) và sống ly thân với anh T đến nay không ai quan tâm đến ai. Hiện tại chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung, con riêng:

+ Con chung: Vợ chồng chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 04/10/2012, hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

+ Con riêng: Ngoài cháu Nguyễn Thị Minh H, chị N và anh T không ai có con riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công nợ riêng: Chị N và anh T có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa số 94, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 749647 ngày 11/6/2019 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị N và quyền sử dụng đất tại thửa số 587, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 662232 ngày 01/4/2020 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị N. Ngày 06/6/2025, chị N làm đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng. Ngày 05/8/2025 chị N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng và tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu trên để vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình). Sau khi Tòa án thụ lý vụ án tại biên bản làm việc ngày 19/5/2025 giữa Tòa án với anh Nguyễn Văn T thì anh T cho biết đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân

dân huyện K về việc chị Hoàng Thị N xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh. Anh có quan điểm không nhất trí đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N. Đối với bản tự khai anh T cam kết sẽ nộp cho Tòa án vào ngày 23/5/2025. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Văn T tại địa chỉ trên nhưng anh T đã không hợp tác với Tòa án. Ngày 10/9/2025, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị N và anh T nhưng anh T đã vắng mặt và Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa do vậy Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không chấp hành và không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Hoàng Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 04/10/2012. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung chia tài sản chung của chị Hoàng Thị N.

- Án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng 7.458.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị N có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại: xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình (trước đây xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình). Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại gia đình anh T tại xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, hòa giải nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T lên làm việc và mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để chị N, anh T có biện pháp khắc phục mâu thuẫn và tạo cơ hội cho anh chị về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh T đã không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án cũng như vắng mặt tại các phiên họp trên. Do hai bên không tìm được tiếng nói chung và cũng không có biện pháp khắc phục nên việc hòa giải tại Tòa án không có kết quả. Từ tháng 11/2020 đến nay chị N đã sống ly thân với anh T và đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh T không đến Tòa án làm việc thể hiện thái độ bỏ mặc điều này thể hiện hôn nhân của chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không có biện pháp hàn gắn. Quan hệ hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Theo Biên bản xác minh ngày 10/6/2025 về quan hệ hôn nhân của chị N và anh T tại gia đình bà Trần Thị N1 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T đã xác nhận: Anh T và chị N đã đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bà tại xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trong thời gian chung sống anh T chưa đánh chị N bao giờ. Từ năm 2023 đến nay chị N và anh T không sống chung với nhau nữa. Về con chung chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 04/10/2012. Từ khi cháu H sinh ra bà ngoại nuôi cháu được 02 năm sau đó cháu H về ở với anh T. Từ đầu năm 2024 đến nay cháu H về ở với chị N và bà ngoại (BL 76)

Theo Biên bản xác minh ngày 12/8/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Ninh Bình thể hiện: Chị N và anh T đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại xóm A, xã Đ, huyện K. Ủy ban nhân dân xã không nắm được nguyên nhân dẫn đến việc giữa chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn vì từ trước đến nay anh chị không có yêu cầu hòa giải tại Ủy ban nhân dân. Về con chung: chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 04/10/2012, hiện cháu H đang ở cùng với chị N. Khi giải quyết ly hôn giữa chị N và anh T đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho cháu H do cháu H chưa thành niên. Về thu nhập do chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn T đều là lao động tự do nên địa phương không nắm được mức thu nhập cụ thể của từng người (BL 102)

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã có thời gian sống ly thân từ năm 2020 đến nay và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc nhau. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con:

[3.1] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012 và cháu H đang ở cùng với chị N từ năm 2024 đến nay. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án chị N có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thị Minh H và đều không yêu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nếu được Tòa án giao con để chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng và điều kiện chỗ ở ổn định để làm căn cứ xác định khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung gồm: 01 Giấy xác nhận nhân sự của Công ty S; 01 bảng sao kê tài khoản tại ngân hàng V của chị Hoàng Thị N trong đó chứng minh thu nhập của chị N trung bình hàng tháng từ 14.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng (BL 31- 63)

Đối với anh Nguyễn Văn T, Tòa án đã yêu cầu anh T cung cấp tài liệu chứng minh về điều kiện khả năng của cha trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu con trong trường hợp Tòa án giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng anh T đã không cung cấp các tài liệu trên cho Tòa án thể hiện thái độ bỏ mặc, không chấp hành các quy định của pháp luật.

Quá trình xác minh tại gia đình nhà ông Hoàng Văn T1 là bố đẻ của chị N tại xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình xác định từ năm 2021 đến nay vợ chồng chị N, anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Về con chung

chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012, từ khi sinh ra đến khi cháu ở với vợ chồng ông, thứ 7 và chủ nhật về ở với anh T. Cháu lên cấp 2 thì cháu học ở cấp 2 xã V. Từ tháng 4/2025 cháu H về ở hẳn với mẹ cháu và vợ chồng ông bà (BL 78)

Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Minh H, ngày 27 tháng 5 năm 2025, cháu H có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trên sau khi xem xét khả năng, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục của chị N đối với con chung và xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử xét thấy để không làm ảnh hưởng sự phát triển lành mạnh và không làm thay đổi môi trường sống của con chung cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012 cho chị N trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3.2] Về con riêng: Ngoài cháu Nguyễn Thị Minh H, chị N và anh T không ai có con riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị N có quan điểm sau khi ly hôn nếu Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng thì chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Mặc dù chị N đã được Tòa án giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như trên. Xét thấy trong thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung của vợ chồng ở với chị N thì cuộc sống, sinh hoạt, học tập của cháu H được đảm bảo mà không có sự đóng góp của anh T nên chị N có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng và việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ:

[4.1] Về tài sản chung: Vợ chồng chị N và anh T có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa số 94, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 749647 ngày 11/6/2019 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị N và quyền sử dụng đất tại thửa số 587, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 662232 ngày 01/4/2020 mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị N. Ngày 06/6/2025, chị N có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng. Ngày 05/8/2025 chị N có đơn xin rút yêu cầu bổ sung

khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng và tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên yêu cầu rút yêu cầu bổ sung trên để vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự việc chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

[4.2] Về tài sản riêng và công nợ: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Hoàng Thị N là người khởi kiện nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị Hoàng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu bổ sung yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung chia tài sản chung của chị Hoàng Thị N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.2 Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012 cho chị Hoàng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H.

Anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

2.3 Về con riêng: Chị N và anh T không có con riêng và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Chị Hoàng Thị N đã rút yêu cầu chia tài sản chung và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002039 ngày 13 tháng 5 năm 2025 và trả lại cho chị Hoàng Thị N số tiền 7.458.000 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002066 ngày 06 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình)

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2025), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 - Ninh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bình;
- UBND xã Đ;
 - Dương sự;
 - Lưu toà và hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trịnh Thị Hoài Thu